

Bản án số: 566/2023/HS-PT
Ngày: 21 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu.

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 189/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2023/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Kim H (Mười T), sinh năm 1969; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: Kinh doanh, buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1932 (chết); Mẹ: Mai Thị Ê, sinh năm 1932 (chết); **Anh**, chi, em: Có 12 người, bị cáo là người thứ 9; Chồng: Huỳnh Bá K, sinh năm 1964; Có 04 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2009;

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, học hết lớp 6 nghỉ, phụ giúp gia đình.

Năm 1999, bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh A bắt về tội “Buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới” và bị tạm giam 03 tháng 03 ngày được tha về, không xử lý.

Ngày 22/01/2007, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, về tội “Buôn lậu”, chấp hành xong hình phạt ngày 25/10/2007.

Ngày 12/8/2021 và ngày 01/9/2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố bị can về tội “Buôn lậu”.

Ngày 04/11/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố bị can về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Ngày 23/12/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A khởi tố bị can về tội “Rửa tiền”.

Ngày 21/11/2022, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 844/2022/HS-PT.

Ngày 09/01/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 14 năm tù về tội “Buôn lậu”.

- Tiền án, Tiền sự: Không;

- Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 06/7/2021 đến nay (có mặt);

- *Người bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu:*

1/Luật sư Phạm Thanh Bình – thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt)

2/Luật sư Đỗ Đức B –thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

3/Luật sư Hồ Hoàng P – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Mai Thị Ngọc P1, sinh năm 1979; (có mặt)

2. Võ Văn T2, sinh năm 1980; (có mặt)

(Hiện Phần, T2 đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L)

3. Lê Thị Bạch V, sinh năm 1966; (có mặt)

4. Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; (có mặt)

5. Nguyễn Hoàng Ú, sinh năm 1971; (có mặt)

6. Nguyễn Hữu P2, sinh năm 1989; (có mặt)

7. Phạm Tấn L1, sinh năm 1986; (có mặt)

(H, L, Ú, P2, L1 đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh A)

8. Phạm Thanh S, sinh năm 1982; (có mặt)

Nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Hiện đang thi hành án tại Trại giam C2)

9. Nguyễn Phạm Khắc T3 (C), sinh năm 1992; (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

10. Lê Thị Thu T4, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

11. Dương Thành N, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

12. Nguyễn Thị Kim X (Năm P3), sinh năm 1959; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

13. Nguyễn Thanh T5 (Phước A), sinh năm: 1986; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang;

14. Nguyễn Tuấn T6 (T7), sinh năm: 1991; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang;

15. Huỳnh Văn V1, sinh năm: 1985; (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ F, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

16. Lê Ngọc L2 (Tur L3), sinh năm: 1958; (có mặt)

Nơi cư trú: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;

17. Lê Tấn T8, sinh năm: 1982; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm H, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;
18. Trần Hoàng M, sinh năm: 1987; (xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Số D, G1, tổ C, 6 A, quận N, thành phố Cần Thơ;
19. Tô L4, sinh năm: 1958; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 8, khóm M, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang;
20. Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1995; (vắng mặt)
Nơi cư trú: Số A, đường G, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;
21. Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1958; (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim H (M), chỉ đạo những người làm thuê cho H gồm Phạm Tấn L1, Lê Thị Bạch V, Mai Thị Ngọc P1 nhận và kiểm đếm USD do các T9 vàng giao để Nguyễn Hoàng Ú, Võ Văn T2, Nguyễn Hữu P2, Nguyễn Văn M1, Trần Văn H3, Nguyễn Văn L cùng một số người khác vận chuyển USD từ Việt Nam sang Campuchia và nhận vàng từ Campuchia vận chuyển về Việt Nam giao lại cho các tiệm vàng ở thành phố C để nhận tiền công. Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 30/10/2020, khi nhóm người của H đang vận chuyển 50.907,32 gam vàng (99,99%) từ Campuchia về đến khu vực khóm V, phường V, thành phố C thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ H3 cùng tang vật. Còn Ú, T2, M1, P2 bỏ trốn sang Campuchia. Sau khi biết việc vận chuyển vàng bị phát hiện, khoảng 15 giờ ngày 30/10/2020 H điện thoại cho Lê Thị Bạch V kêu Nguyễn Phạm Khắc T3 (C) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở V đến bến đò Bùng Bình tại xã V, huyện A (khu vực biên giới) gặp H. Khi T3 chở V đến xã V thì gặp H cùng Tô L4 đứng chờ, lúc này H kêu L4 đi về và kêu T3 chở H cùng V đi thêm một đoạn khoảng 100m thì xuống xe, H kêu V xuống xuống máy của người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) để đưa V sang Campuchia trước, khoảng 30 phút sau người đàn ông này quay lại rước H đưa sang Campuchia, H cùng V đến ở nhà của Nguyễn Thị Kim X tại G (Campuchia).

Đến khoảng 9 giờ ngày 31/10/2020, khi đang ở thành phố C, Nguyễn Văn L gặp người đàn ông mang khẩu trang (chưa rõ họ tên) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) nói “*Công an đến nhà kiểm mày, lên xe tao chở đi trốn*” thì Lê lên xe cho người này chở đến bến đò Bùng Bình (xã V) và lên xuống máy để một người đàn ông Campuchia đưa sang Campuchia ở cùng với H, V tại nhà của X.

Đến ngày 10/11/2020, H điện thoại kêu Nguyễn Phạm Khắc T3 (Chì) tìm số điện thoại của Mai Thị Ngọc P1 để đưa cho Nguyễn Thanh T5 (P). T3 đến gặp bà Nguyễn Thị H2 (mẹ của P1) xin số điện thoại của P1 và cung cấp số điện thoại của P1 cho T5 và Nguyễn Tuấn T6 (T7). Đến khoảng trưa cùng ngày, T5 điện thoại cho P1 hỏi P1 đang ở đâu và kêu chờ sẽ có người đến rước. Sau đó T6 đi xe mô tô đến khu vực Trung tâm thương mại C3 rước Phần đến khu vực xã Đ, huyện A, T6 kêu P1 đi xuống mé sông, tại đây có người đàn ông (không rõ họ

tên địa chỉ) chờ sẵn và chở P1 về nhà ngoại của P1 thuộc xã V, tại đây Phấn gặp Lê Ngọc L2 (T). Sau đó người đàn ông này dẫn P1, L2 đi bộ một đoạn khoảng 100m rồi lên xuống máy để một người đàn ông khác chở đi đến cột mốc biên giới thuộc xã V huyện A và P, L2 qua xuống máy cho Huỳnh Văn V1 chở cả hai sang Campuchia gặp H, V, Lê tại nhà của X (G, Campuchia). Ở đây khoảng 01 tháng, H cùng V, P1, L, V1 đến nhà của R (thành phố P, Campuchia) trốn. Sau đó, R cũng đưa Phạm Thanh S, Võ Văn T2, Nguyễn Hữu P2, Phạm Tấn L1 đến ở cùng H, thời gian ở đây tất cả chi phí sinh hoạt hàng ngày của nhóm đều do H chi trả. Ngày 09/7/2021, V, L, P1, S, T2, P2, L1 đầu thú. H bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A để điều tra về hành vi “Buôn lậu”.

Ngày 16/12/2021, Nguyễn Thị Kim H bị khởi tố điều tra về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

* Quá trình điều tra, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai nhận:

- Mai Thị Ngọc P1, Lê Thị Bạch V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Phạm Khắc T3 (C), trình bày việc H là người tổ chức cho P1, V, Lê sang Campuchia để trốn tránh pháp luật như nội dung vụ án đã nêu.

- Nguyễn Thị Kim X, cho biết: Căn nhà 02 tầng tại gò T, Campuchia là của X, không tổ chức cho H cùng đồng phạm trốn tại đây.

- Nguyễn Thanh T5 (P), Nguyễn Tuấn T6 (T7) khai: T6, T5 không liên lạc để đón P1 như T3, P1 đã khai. Trong lịch sử cuộc gọi của T5 có gọi cho T3 vào ngày 10/11/2020 là do T5 thấy số điện thoại lạ nên gọi lại chứ không trao đổi gì.

- Lê Ngọc L2 (T), Lê Tấn T8, Trần Hoàng M, đều cho biết: Sáng ngày 31/10/2020, L2, T8, M đến Hà Nội theo yêu cầu của H và luật sư Phạm Thanh B1. Ngày 01/11/2020, H đến ở cùng phòng với L2, còn T3 ở phòng riêng, đến chiều tối ngày 01/11/2020 và ngày 02/11/2020 T8, L2 về An Giang. Ngày 03/11/2020, H, T3 về Thành phố Hồ Chí Minh, còn M về Cần Thơ. Khoảng vài ngày sau khi từ Hà Nội về, có người đàn ông khoảng 40 tuổi điều khiển xe mô tô đến nhà chờ L2 đi gặp P1, rồi người này dẫn L2, P1 lên một chiếc xuồng đưa đến cột mốc xã V thì qua chiếc xuồng khác do V1 điều khiển chở cả hai sang nhà kho ở G (Campuchia) gặp H. Ở đây được khoảng 02 ngày thì V1 đưa L2 về lại Việt Nam. Còn M, sau 02 ngày từ khi ở Hà Nội về, có số tài khoản (không biết người chuyển là ai) đã chuyển vào tài khoản của M mở tại Ngân hàng A2 số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này là của H chuyển trả lại tiền chi phí khi ở Hà Nội mà M đã chi.

- Nguyễn Văn H1, khai: Ngày 30/10/2020, H không đến nhà H1 và H cũng không có nhờ H1 đặt vé máy bay cho H.

- Nguyễn Thị H2 (mẹ của P1), cho biết: Khoảng 10 ngày sau khi Công an bắt vụ 51 ký vàng, T3 có đến nhà xin số điện thoại của P1. H2 đưa tờ giấy mà P1 có ghi sẵn số điện thoại cho T3.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Kim H không thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 10 tháng 02 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 349, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim H 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/02/2023 bị cáo Nguyễn Thị Kim H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh cho bị cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo (Luật sư Phạm Thanh B1) trình bày: Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất qua quá trình xét hỏi bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa thì, Hội đồng xét xử nhận định do cần phải được điều tra làm sáng tỏ vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với các yêu cầu làm rõ vai trò trách nhiệm của Nguyễn Phạm Khắc T3, Quốc A1, T7 trong vụ án. Thứ hai là thu thập, xác minh thời gian địa điểm, lời khai của Quốc A1, T7, các bị cáo đã dùng số điện thoại nào liên lạc với bà V. Với những tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/02/2023 thì Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã rút lại một phần truy tố. Trên cơ sở đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo H 03 năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” vì cho rằng có đủ căn cứ để chứng minh bị cáo H đã tổ chức cho V trốn sang Campuchia.

Tuy nhiên với vai trò là người bào chữa tham gia vụ án này từ giai đoạn điều tra thì người bào chữa thấy rằng những tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định là chứng cứ để kết tội bị cáo là không khách quan không đúng quy định của pháp luật bởi các lẽ sau: Trong quá trình trả hồ sơ điều tra bổ sung, Tòa án cấp sơ thẩm đã nêu rõ xác minh thời gian, địa điểm của bị cáo H trong ngày 31/10/2020 là một trong những nội dung cần được điều tra làm rõ để chứng minh hành vi của bị cáo H, nhưng quá trình điều tra bổ sung đến phiên tòa ngày 10/02/2023 vẫn chưa giải quyết được nội dung này, chưa xác minh được chuyến bay bị cáo H đi Hà Nội, mặc dù vậy bản án sơ thẩm đã cho

rằng việc bị cáo H đi Hà Nội và nội dung H nại ra để chứng minh không đi cùng V sang Campuchia. Bản án sơ thẩm còn nhận định rằng tại địa bàn thành phố C giáp ranh với Campuchia cách có một con sông nhỏ, nên sau khi đưa V sang Campuchia, bị cáo H vẫn có thể trở về C trong cùng ngày, để hôm sau đi Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn suy diễn, thiếu căn cứ pháp luật, mâu thuẫn chính với nội dung trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong hồ sơ không có bất cứ tài liệu nào chứng minh nội dung này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V cũng khai là đi một mình qua Campuchia, lịch trình của bị cáo H khai về việc đi Thành phố Hồ Chí Minh là đúng, việc H có đi máy bay hay không là tình tiết quan trọng, đề nghị thu thập chứng cứ xác minh Kim H có đi máy bay không, hãng nào và ngày nào để có căn cứ xác định chính xác vụ việc.

Người bào chữa cho bị cáo (Luật sư Đỗ Đức B) trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được tình tiết bị cáo H đi Hà Nội, liên quan đến việc bị cáo H đưa V đi Campuchia, chứng cứ này là quan trọng nên để không làm oan người vô tội, đề nghị Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa để làm rõ chứng cứ này.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Xét, điểm b Khoản 1 Điều 352 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “Cần phải xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa” là trường hợp hoãn phiên tòa phúc thẩm mà trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Bộ luật tố tụng hình sự không có quy định về trường hợp hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ theo yêu cầu của người bào chữa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyễn Thị Kim H là bị cáo trong vụ án “Buôn lậu” 50.906,31 gam vàng 99,99% bị phát hiện ngày 30/10/2020 tại thành phố C, là người chủ mưu chỉ đạo cho các đối tượng (hiện đã bị khởi tố trong vụ án Buôn lậu cùng với bị cáo H) kiểm đếm tiền USD để vận chuyển sang Campuchia mua vàng đem về cho bị cáo H để bị cáo giao lại cho các tiệm vàng trong thành phố C để thu lợi. Sau khi vụ việc bị phát hiện bắt quả tang, bị cáo đã chỉ đạo, điều động Nguyễn Phạm Khắc T3 (Chi) chở V đến gặp bị cáo để cùng trốn sang Campuchia. Khi bị cáo cùng V, P1, L ở G được khoảng 01 tháng, sợ bị phát hiện bị cáo đã chỉ đạo các đối tượng này cùng bị cáo di chuyển đến Thành phố P thuê căn nhà của Ra để tập hợp các đối tượng có tham gia trong vụ buôn lậu 51 ký vàng lại nhằm để các đối tượng không bị phát hiện để khai ra hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, bị cáo tổ chức cho V sang Campuchia để trốn tránh pháp luật.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H (M) phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” quy định tại

khoản 1, khoản 4 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H:

[3.1] Lời khai của những người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có nội dung:

- Lê Thị Bạch V trình bày: Vào ngày 30/10/2020 H trực tiếp điện thoại cho V kêu Nguyễn Phạm Khắc T3 chở V đến Vĩnh Hội Đ để trốn sang Campuchia. Khi đến nơi V cùng với H đi đến bến sông, H chỉ đạo cho V đi sang Campuchia trước, khoảng 30 phút sau thì H qua đến gặp V và sắp xếp cho V ở trên một chiếc ghe rồi H đi đâu V không biết.

- Võ Văn T2, Nguyễn Hữu P2, Phạm Tấn L1, Nguyễn Hoàng Ú, đều trình bày: T2, P2, L1, Ú, tham gia vận chuyển vàng từ Campuchia về Việt Nam cho H, khi bị Công an phát hiện, Ú điều khiển vô lái chở T2, P2 trốn sang Campuchia ở nhà của L5, T10, Ra; Sau đó Ra đưa T2, P2, L1 đến căn nhà 03 tầng ở thành phố N, Campuchia ở cùng H, L, S, P1; còn Ú trốn tại nhà một người quen ở Campuchia. Thời gian ở Campuchia, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày do H chi trả.

- Phạm Thanh S trình bày: Sang tham gia vận chuyển vàng theo chỉ đạo của H, khi bị Công an phát hiện, S trốn sang Campuchia làm thuê cho người tên Qua thì H điện thoại kêu S tiếp tục ở lại Campuchia trốn cùng với H, V, P1, L, P2, T2, L1.

- Lê Thị Thu T4 trình bày: Trưa ngày 30/10/2020, T4 nghe V, P1 nói Công an bắt vụ vận chuyển vàng và thấy V nói chuyện điện thoại với H, nghe H kêu V bỏ đi nhưng không rõ đi đâu.

- Dương Thành N và Nguyễn Phạm Khắc T3 (C), trình bày: Sáng ngày 30/10/2020, N điều khiển xe ô tô chở H, T3 đến khu vực xã V, xã V (huyện G, tỉnh Kiên Giang), đến khoảng hơn 12 giờ có người điện thoại cho H hay là “*đồ đã bị bắt*” nên H kêu quay xe về C, khi đến Bưu điện C4 thì H kêu T3 xuống xe rồi T3 đi về nhà H thì gặp V và được V kêu chở đến bến đò Bùng Bình (xã V, huyện A) gặp H. Còn N chở H đến cầu K thì H kêu dừng xe, sau đó H xuống xe và đi đâu N không biết.

- Tô L4 khai: Khoảng 15 giờ ngày 30/10/2020, H đi Taxi đến cầu K để rước L4 đi đám giỗ. Khi xe đi qua khỏi phủ thờ “Nguyễn M2” khoảng 2km thì H nói với tài xế dừng xe đợi, L4 cùng H đi bộ xuống cách bến đò Bùng Bình khoảng 100m thì thấy T3 điều khiển xe mô tô chở một người phụ nữ mang khẩu trang, lúc này H kêu L4 về trước bằng Taxi, còn H, T3 và người nữ đi đâu thì L4 không biết.

Ngoài ra, bị cáo H còn nại ra rằng ngày 30/10/2020 bị cáo đi Kiên Giang cùng với N (do N là tài xế của bị cáo), sau đó bị cáo đi lên Thành phố Hồ Chí Minh, ngủ qua đêm tại căn nhà số A, đường G, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Văn H1 (sinh ngày 01/12/1995), chiều hôm sau ngày 31/10/2020 bị cáo mua vé máy bay đi Hà Nội, nên bị cáo không đi cùng V sang Campuchia, cũng như gặp những người như T3 (C), Tô Long ngày 30/10/2020 tại V như họ đã trình bày. Nhưng chính Nguyễn Văn H1 khai: Vào đêm

30/10/2020 bị cáo H không có ngụ lại nhà của ông. L2 khai: “khoảng 01 giờ sáng ngày 01/11/2020 L2 ra sân bay H rước bị cáo H”. Điều này cho thấy ngày 30/10/2020 bị cáo không có đi thành phố Hồ Chí Minh như bị cáo đã khai nhận, việc V, T3, Tô L4 khai nhận gặp bị cáo ở C là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hơn nữa địa bàn thành phố C giáp ranh với C1, qua lại chỉ cách một con sông nhỏ, nên ngày 30/10/2020 sau khi đưa V qua Campuchia, bị cáo trở về lại C để ngày hôm sau đi Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đảm bảo về thời gian.

Mặc dù, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, nhưng quá trình điều tra đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo H biết bản thân bị cáo và Lê Thị Bạch V, Phạm Tấn L1, Nguyễn Hữu P2, Võ Văn T2 đang bị truy nã, còn Mai Thị Ngọc P1, Nguyễn Văn L, Phạm Thanh S bị truy tìm vì có liên quan trong vụ 51 ký vàng, nên đã có hành vi tổ chức, chỉ đạo cho các đối tượng liên quan trốn sang Campuchia.

[3.2] Theo Bản Cáo trạng số 96/CT-VKSAG-P1 ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã kết luận bị cáo Nguyễn Thị Kim H 03 lần tổ chức cho Lê Thị Bạch V, Mai Thị Ngọc P1, Nguyễn Văn L sang Campuchia. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Mai Thị Ngọc P1 và Nguyễn Văn L đều khai nhận không do bị cáo trực tiếp kêu những người này đi trốn sang Campuchia, mà qua trung gian một người khác, khi sang đến Campuchia gặp bị cáo H thì mới nghĩ rằng bị cáo H tổ chức cho mình trốn sang Campuchia. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát đã rút lại một phần truy tố, chỉ quy kết bị cáo H tổ chức cho một mình Lê Thị Bạch V trốn sang nước ngoài và chuyển khung từ khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự sang khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo nêu bị cáo H khai rằng: Ngày 30/10/2020 bị cáo lên Thành phố Hồ Chí Minh và sáng ngày hôm sau bị cáo ra Hà Nội bằng máy bay, nhưng cơ quan tiến tố tụng cấp sơ thẩm không làm rõ nội dung này là không đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Xét, nội dung này đã được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm làm rõ qua lời khai của Nguyễn Văn H1, Lê Ngọc L2 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày này của người bào chữa cho bị cáo.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim H;

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 08/2023/HS-ST ngày 10/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim H phạm tội: “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 349, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim H 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Kim H phải chịu 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Nhà tạm giữ công an huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
(Tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu (10) 20b (ÁnTTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu

